ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 92 /2026/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 138/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 133/2025/QH15 và Luật số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 112/2025/QH15;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15;

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và Nghị định số 16/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP, Nghị định số 248/2025/NĐ-CP và Nghị định số 192/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2026 và thay thế Quyết định số 48/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quyết định này bãi bỏ số thứ tự thứ 10 Phụ lục I danh mục các văn bản quy phạm pháp luật được lựa chọn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đang thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt.

b) Đối với các dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa triển khai thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện điều chỉnh, bổ sung theo các yêu cầu, tiêu chí, tiêu chuẩn và nội dung ban hành kèm theo Quyết định này và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XVII và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, các PCVP UBND thành phố;
- Công báo điện tử thành phố;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Lưu: VT, KTNS, HCTC, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Lê Trường Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 92/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực khoa học và công nghệ; cơ quan quản lý nhà nước được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức thực hiện cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nội dung, tiêu chí đánh giá chất lượng các dịch vụ

1. Dịch vụ hoạt động khoa học và công nghệ thực hiện theo tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

2. Dịch vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (bao gồm thông tin khoa học và công nghệ) thực hiện theo tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

3. Dịch vụ lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thực hiện theo tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 4. Nghiệm thu chất lượng, thanh toán dịch vụ, quyết toán kinh phí

1. Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện trên các tiêu chí tại các phụ lục kèm theo Quy định này và sử dụng phương thức đánh giá theo thang điểm 100.

2. Chất lượng dịch vụ được đánh giá theo 02 mức:

a) Đạt: Tổng điểm từ 80 điểm trở lên.

b) Không đạt: Tổng điểm dưới 80 điểm.

3. Nghiệm thu khối lượng, chất lượng, thanh toán giá dịch vụ:

a) Khi chất lượng dịch vụ được đánh giá đạt từ 80 điểm trở lên, sẽ được nghiệm thu, thanh toán 100% kinh phí.

b) Khi chất lượng dịch vụ được đánh giá đạt tổng điểm dưới 80 điểm, "không đạt" thì đơn vị cung ứng dịch vụ phải tiến hành khắc phục chất lượng dịch vụ để đảm bảo từ 80 điểm trở lên mới được thanh toán 100% kinh phí. Trường hợp hết niên độ ngân sách, đơn vị cung ứng dịch vụ tiến hành khắc phục chất lượng dịch vụ nhưng không thể đảm bảo từ 80 điểm trở lên thì không được thanh toán và phải hoàn lại phần/khoản kinh phí đã tạm ứng (nếu có).

c) Trường hợp vì xảy ra nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật hoặc do nhà nước thay đổi cơ chế, chính sách dẫn tới không đáp ứng yêu cầu chất lượng thì được điều chỉnh để thanh toán, quyết toán, cụ thể như sau:

- Đơn vị cung ứng dịch vụ: Có trách nhiệm báo cáo, giải trình nguyên nhân, cung cấp hồ sơ chứng minh và đề xuất phương án xử lý; chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, kết quả thực hiện.

- Cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng: Chủ trì kiểm tra, đánh giá nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng và kết quả thực tế; xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc điều chỉnh theo thẩm quyền; làm căn cứ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Hướng dẫn, phối hợp đánh giá về chuyên môn, tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng và mức độ ảnh hưởng của nguyên nhân phát sinh đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Sở Tài chính: Hướng dẫn, phối hợp thực hiện các nội dung liên quan đến kinh phí, thanh toán và quyết toán theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách.

- Kho bạc Nhà nước khu vực XVII: Kiểm soát thanh toán trên cơ sở hồ sơ, chứng từ và kết quả nghiệm thu theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan: Phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Việc điều chỉnh phải bảo đảm đúng nguyên nhân, đúng thẩm quyền, có hồ sơ chứng minh và chỉ thanh toán, quyết toán đối với khối lượng, kết quả thực tế

được nghiệm thu, không làm giảm trách nhiệm của đơn vị cung ứng và cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng trong việc bảo đảm chất lượng dịch vụ.

4. Quyết toán kinh phí: Đơn vị sự nghiệp công lập quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trong báo cáo quyết toán năm của đơn vị gửi cơ quan quản lý cấp trên xét duyệt, thẩm định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 5. Kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ

1. Việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ được thực hiện theo các tiêu chí, chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu quy định tại các phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

2. Hàng năm hoặc đột xuất, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện cung cấp dịch vụ công lĩnh vực khoa học và công nghệ theo Quy định này.

3. Khi phát hiện sai sót trong quá trình cung ứng các dịch vụ công lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, các cơ quan được giao quản lý thực hiện nhiệm vụ yêu cầu bên cung ứng dịch vụ khắc phục, xử lý sai sót, các vấn đề phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Điều 6. Chế độ báo cáo

1. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện dịch vụ có trách nhiệm gửi báo cáo định kỳ tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ khi có thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương; điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công; thay đổi số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

2. Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc đơn vị được giao nhiệm vụ, đặt hàng triển khai thực hiện nhiệm vụ hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố đạt hiệu quả.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ và ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ, tùy theo khả năng cân đối ngân sách thành phố, Sở Tài chính phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp nhu cầu kinh phí, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét bố trí kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành để triển khai thực hiện Kế hoạch.

Điều 9. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước khu vực XVII

Thực hiện kiểm soát chi, tạm ứng, thanh toán kịp thời theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Quy định này; hết năm ngân sách xác nhận số kinh phí thanh toán trong năm của đơn vị sử dụng ngân sách như: Bảng đối chiếu dự toán, tình hình sử dụng kinh phí ngân sách tại Kho bạc Nhà nước khu vực XVII.

Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị cung ứng dịch vụ

1. Phối hợp các cơ quan được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, kinh phí thực hiện dịch vụ.

2. Tổ chức cung ứng các dịch vụ đảm bảo đúng quy trình và chất lượng theo tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ về nội dung, chất lượng dịch vụ do đơn vị thực hiện cung cấp.

4. Chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí cung ứng dịch vụ theo đúng quy định, thực hiện nhiệm vụ với ngân sách nhà nước.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất tình hình thực hiện dịch vụ theo quy định.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Phụ lục I

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2026)

1. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ XUẤT BẢN BẢN TIN VÀ CUNG CẤP CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ, ẤN PHẨM CHUYÊN ĐỀ, TẠP CHÍ THUỘC LĨNH VỰC THÔNG TIN, THỐNG KÊ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO					
Biên soạn và xuất bản bản tin khoa học và công nghệ giấy					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
1	Xác định chủ đề	- Chủ đề phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan; Phù hợp với yêu cầu, định hướng tuyên truyền của cơ quan chỉ đạo, quản lý nhà nước; - Chủ đề được Lãnh đạo hoặc Trưởng ban biên tập phê duyệt.	**20**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
2	Xây dựng đề cương	- Đề cương bám sát chủ đề và yêu cầu, định hướng tuyên truyền của thành phố, của ngành; Tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Không vi phạm quy định pháp luật về báo chí; - Đề cương được Lãnh đạo hoặc Trưởng ban biên tập phê duyệt.	**20**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
3	Tìm kiếm tư liệu, biên soạn, biên tập bản thảo	- Tổng hợp bài viết cộng tác viên gửi; Thực hiện tra cứu thông tin tư liệu để thực hiện công tác biên tập bài báo của cộng tác viên;	**40**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022

		- Dự thảo thứ tự nội dung bản tin hoàn chỉnh trình duyệt; Được Lãnh đạo hoặc Trưởng ban biên tập duyệt; - Hoàn thiện bản thiết kế, mi trang bản thảo; Rà soát chỉnh sửa nội dung trên bản thảo thiết kế; Được lãnh đạo phê duyệt bản thảo thiết kế đã chỉnh sửa.			của Bộ Khoa học và Công nghệ
4	In ấn, lưu trữ và phát hành	- Gửi bản thảo đến nhà in và kiểm tra in ấn sau khi nhận được cuốn in ấn thành phẩm; - Tổ chức phát hành bản tin in đến các địa chỉ đã được duyệt thông qua hệ thống bưu điện hoặc chuyển phát nhanh; - Nộp lưu chiểu và cập nhật file xuất bản lên Cổng/ Trang thông tin điện tử của đơn vị.	**20**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
Biên soạn và xuất bản tin khoa học và công nghệ điện tử (các bản tin phát hành điện tử khác)					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
1	Thu thập thông tin	Thông tin phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan và phù hợp với yêu cầu, định hướng tuyên truyền của cơ quan chỉ đạo, quản lý nhà nước; Thông tin tại các hội nghị, hội thảo….	**20**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
2	Viết bài	Bài viết đảm bảo nội dung thông tin tuyên truyền, dễ hiểu, ngắn gọn và có bố cục hợp lý.	**20**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ

3	Tổng hợp và biên tập bài báo	Dự thảo thứ tự nội dung bản tin và biên tập nội dung, chỉnh sửa các lỗi chính tả.	**20**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
4	Thiết kế bản tin	- Thiết kế hoàn thiện bản tin có chèn hình ảnh minh họa; - Được Lãnh đạo hoặc Trưởng Ban biên tập duyệt phát hành.	**20**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
5	Phát hành	Phát hành bản tin qua email, lên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị.	**20**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
2. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG (SẢN XUẤT PHIM, PHÓNG SỰ, TIN, BÀI)					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)**		
			Điểm	**Đánh giá**	
2.1	Chủ đề tuyên truyền	Theo Hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	35		Quyết định số 1265/QĐ-BTTTT ngày 23/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông
2.2	Nội dung tuyên truyền	Theo Hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	35		
2.3	Thể loại	Theo Hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	10		
2.4	Ngôn ngữ thể hiện	Theo Hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	5		
2.5	Số lượng	Theo Hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	5		

2.6	Đối tượng phục vụ chủ yếu	Theo Hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	5		
2.7	Phát hành sản phẩm	Theo Hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	5		

Phụ lục II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (BAO GỒM THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2026)

1. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH SÀN GIAO DỊCH CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
1.1	**Xử lý và cập nhật thông tin công nghệ và thiết bị chào bán lên Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến**		**25**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
a)	Tìm kiếm, thu thập thông tin về CN&TB chào bán	- Tài liệu, catalogue, Brochure thu thập thông qua các sự kiện, hội chợ CN&TB, hội nghị, hội thảo chuyên ngành, triển lãm; - File điện tử thông tin thu thập trên mạng internet	5		
b)	Rà soát, tra trùng tài liệu	Bảng phân công cán bộ thực hiện	5		
c)	Xử lý thông tin	Bảng thông tin hoàn chỉnh (dịch, phân loại, xử lý từ khóa, điền đầy đủ các trường thông tin, scan chỉnh sửa hình ảnh và chèn hình ảnh liên quan	5		

d)	Nhập các thông tin công nghệ hoặc thiết bị lên Sàn giao dịch CN&TB trực tuyến.	Biểu ghi được điền đầy đủ thông tin và xuất hiện trên web	5		
đ)	Xuất bản.	Thông tin hoàn chỉnh được xuất bản trên trang thông tin điện tử sàn giao dịch	5		
1.2	**Xử lý và cập nhật thông tin công nghệ và thiết bị tìm mua lên Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến**		**25**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
a)	Tìm kiếm, thu thập thông tin về CN&TB tìm mua	- Từ các cuộc gọi điện thoại đến sàn giao dịch công nghệ; Thông qua email, trang thông tin điện tử của sàn giao dịch; - Thông qua các sự kiện, hội chợ CN&TB, hội nghị, hội thảo chuyên ngành, triển lãm KH&CN; Thông qua các trang tin điện tử của các sàn giao dịch công nghệ khác; - Thông qua trao đổi với các tổ chức trung gian.	5		
b)	Xử lý thông tin	Bảng thông tin hoàn chỉnh (dịch, phân loại, xử lý từ khóa, điền đầy đủ các trường thông tin, scan chỉnh sửa hình ảnh và chèn hình ảnh liên quan	5		
c)	Nhập các thông tin công nghệ hoặc thiết bị lên Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến.	Biểu ghi được điền đầy đủ thông tin và xuất hiện trên web	10		
d)	Xuất bản.	Thông tin hoàn chỉnh được xuất bản trên trang thông tin điện tử sàn giao dịch	5		
1.3	**Quản trị nội dung sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến**		**25**		Thông tư số 06/2022/TT-

a)	Tiếp nhận yêu cầu.	- Từ các cuộc gọi điện thoại đến sàn giao dịch công nghệ; Thông qua email, trang thông tin điện tử của sàn giao dịch; - Thông qua các sự kiện, hội chợ CN&TB, hội nghị, hội thảo chuyên ngành, triển lãm KH&CN; Thông qua các trang tin điện tử của các sàn giao dịch công nghệ khác; Thông qua trao đổi với các tổ chức trung gian.	5		BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
b)	Xử lý yêu cầu. Ghi nhận kết quả xử lý.	Bảng thông tin hoàn chỉnh (dịch, phân loại, xử lý từ khóa, điền đầy đủ các trường thông tin, scan chỉnh sửa hình ảnh và chèn hình ảnh liên quan	5		
c)	Kiểm tra hình ảnh, thông tin, giao diện của sàn giao dịch trực tuyến.	Thông tin hoàn chỉnh được xuất bản trên trang thông tin điện tử sàn giao dịch	5		
d)	Báo cáo, thống kê công tác quản trị nội dung sàn giao dịch trực tuyến.	Báo cáo thống kê	10		
1.4	**Tổ chức hoạt động giao dịch công nghệ và thiết bị trực tiếp**		**25**		TT 06/2022/TT-BKHCN, ngày 31/5/2022
a)	Xây dựng kế hoạch hoạt động của sàn giao dịch công nghệ và thiết bị	- Xây dựng kế hoạch theo nhu cầu và định hướng ưu tiên.	7		
b)	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch.	Kế hoạch được phê duyệt	3		
c)	Tổ chức các hoạt động tại sàn giao dịch công nghệ và thiết bị.		15		
-	*Tổ chức không gian trưng bày, trình diễn công nghệ và thiết bị tại sàn*	Thư mời tham gia trưng bày; Lên phương án trưng bày, trình diễn công nghệ và thiết bị tại sàn			
-	*Tổ chức sự kiện*	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện giới thiệu sự kiện			
-	*Trình diễn công nghệ và thiết bị*	Lập kế hoạch tổ chức; Xây dựng phương án dàn dựng gian hàng, trang trí tổng thể; Kết nối cung cầu tại sàn			
-	Tiếp nhận nhu cầu về công nghệ và thiết bị.	Phiếu tiếp nhận thông tin			

-	Cung cấp dịch vụ tư vấn.	Phiếu cung cấp dịch vụ tư vấn			
2. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TỔ CHỨC TRIỂN LÃM THÀNH TỰU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
	Tổ chức triển lãm thành tựu khoa học và công nghệ		**100**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
2.1	Xây dựng nhiệm vụ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Tờ trình chấp thuận chủ trương	10		
2.2	Lập kế hoạch, xây dựng đề án tổ chức Triển lãm.	Kế hoạch tổ chức;	10		
2.3	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Kế hoạch được phê duyệt	10		
2.4	Tổ chức truyền thông cho triển lãm.		10		
-	*Tổ chức Hội nghị giới thiệu, họp báo:*	- Lập kế hoạch tổ chức hội nghị giới thiệu sự kiện;			
-	*Quảng cáo trên truyền hình, báo chí, mạng xã hội và các phương tiện truyền thông khác:*	Xây dựng kế hoạch quảng cáo; Xây dựng nội dung quảng cáo;			
-	*Giới thiệu triển lãm trên các trang thông tin điện tử:*	Xây dựng nội dung giới thiệu triển lãm; Hợp đồng đăng bài các trang thông tin điện tử			
2.5	Thiết kế Brochure, giấy mời, thẻ đeo:	Brochure; giấy mời; thẻ đeo được duyệt	5		
2.6	Thuê địa điểm tổ chức Triển lãm.	Hợp đồng thuê địa điểm	5		

2.7	Mời, tư vấn, xác nhận các đơn vị tham gia triển lãm:	Thư mời tham gia triển lãm	10		
2.8	Xây dựng phương án trang trí tổng thể.	Sơ đồ, maket tổng thể	10		
2.9	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án thiết kế, trang trí tổng thể.	Phương án được phê duyệt	10		
2.10	Tổ chức lễ khai mạc	Xây dựng phương án và kịch bản, Chuẩn bị bài phát biểu khai mạc, dẫn chương trình; Thiết kế, dàn dựng, trang trí.	5		
2.11	Tổ chức lễ bế mạc:	Xây dựng phương án và kịch bản, Chuẩn bị bài phát biểu bế mạc, dẫn chương trình; Thiết kế, dàn dựng, trang trí; Chuẩn bị bằng khen, phù điêu, cúp vàng để trao tại lễ bế mạc.	5		
2.12	Xây dựng báo cáo tổng kết.	Báo cáo tổng kết	10		
3. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TỔ CHỨC TRIỂN LÃM HÌNH ẢNH THÀNH TỰU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					
	Tổ chức triển lãm hình ảnh thành tựu khoa học và công nghệ		**100**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
3.1	Xây dựng nhiệm vụ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Tờ trình chấp thuận chủ trương	10		
3.2	Lập kế hoạch, xây dựng đề án tổ chức triển lãm:	- Lập kế hoạch tổ chức;	10		
3.3	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Kế hoạch được phê duyệt	10		
3.4	Tổ chức truyền thông cho triển lãm.	Tổ chức hội nghị giới thiệu, họp báo; Quảng cáo trên truyền hình, báo chí, mạng xã hội; Giới thiệu triển lãm trên các trang thông tin điện tử.	10		
3.5	Thuê địa điểm tổ chức triển lãm.	Hợp đồng thuê địa điểm	5		

3.6	Xác định, thu thập thông tin, tư liệu cho triển lãm:	Phiếu thu thập thông tin	15		
3.7	Xây dựng phương án trang trí tổng thể.	Sơ đồ, maket tổng thể	10		
3.8	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án thiết kế, trang trí tổng thể.	Phương án được phê duyệt	10		
3.9	Giám sát thi công trang trí triển lãm.	Lịch trực, phân công	5		
3.10	Tổ chức lễ khai mạc	Xây dựng phương án và kịch bản, Chuẩn bị bài phát biểu khai mạc, dẫn chương trình; thiết kế, dàn dựng, trang trí.	5		
3.11	Xây dựng báo cáo tổng kết.	Báo cáo tổng kết	10		
4. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TỔ CHỨC HỘI CHỢ CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ (TECHMART)					
	Tổ chức hội chợ công nghệ và thiết bị (Techmart)		**100**		
4.1	Xây dựng nhiệm vụ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Tờ trình chấp thuận chủ trương	10		TT 06/2022/TT-BKHCN, ngày 31/5/2022
4.2	Lập kế hoạch, xây dựng đề án tổ chức Techmart	- Lập kế hoạch tổ chức	10		
4.3	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kế hoạch được phê duyệt	5		
4.4	Tổ chức truyền thông cho Techmart	Xây dựng kế hoạch quảng cáo; Xây dựng nội dung quảng cáo	10		
4.5	Thiết kế Brochure, giấy mời, thẻ đeo	Brochure; giấy mời; thẻ đeo được duyệt	5		
4.6	Khảo sát, lựa chọn địa điểm tổ chức Techmart.	Hợp đồng thuê địa điểm	5		
4.7	Mời các đơn vị tham gia Techmart	Thư mời tham gia triển lãm	5		
4.8	Xử lý nhập dữ liệu chào bán.	Phân loại, Phiếu thu thập thông tin, nhập thông tin.	5		
4.9	Biên soạn catalog, thiết kế phù điêu của Techmart	catalog, phù điêu được phê duyệt	5		

4.10	Xây dựng phương án dàn dựng gian hàng, trang trí tổng thể cho Techmart.	Sơ đồ, maket tổng thể	10		
4.11	Tổ chức lễ khai mạc.	Xây dựng phương án và kịch bản, Chuẩn bị bài phát biểu khai mạc, dẫn chương trình; Thiết kế, dàn dựng, trang trí.	5		
4.12	Kết nối cung cầu tại Techmart.	Phiếu tiếp nhận thông tin; Phiếu cung cấp dịch vụ tư vấn	5		
4.13	Tổ chức hội thảo (nếu có)	Lập kế hoạch tổ chức hội thảo.	5		
4.14	Tổ chức lễ bế mạc.	Xây dựng phương án và kịch bản, Chuẩn bị bài phát biểu bế mạc, dẫn chương trình; Thiết kế, dàn dựng, trang trí; Chuẩn bị bằng khen, phù điêu, cúp vàng để trao tại lễ bế mạc.	5		
4.15	Xây dựng báo cáo tổng kết.	Báo cáo tổng kết	10		
5. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ QUẢN TRỊ HẠ TẦNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
5.1	**Quản trị hệ thống mạng**		**25**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
a)	Quản trị thiết bị định tuyến		5		
-	Kiểm tra theo dõi đường truyền.	Sổ kiểm tra, lịch trực theo dõi đường truyền			
-	Kiểm tra thiết bị mạng.	Sổ kiểm tra, lịch trực, kiểm tra theo dõi thiết bị mạng (hệ thống điện nguồn, hệ thống làm mát)			
-	Theo dõi, giám sát thường xuyên (24/7) tình trạng hoạt động của hệ thống thiết bị định tuyến.	Lịch trực theo dõi, giám sát			
-	Lập báo cáo tình hình quản trị hệ thống mạng.	Báo cáo tình hình quản trị hệ thống mạng hàng tháng			

b)	Quản trị thiết bị chuyển mạch		10		
-	Kiểm tra thiết bị mạng	Sổ kiểm tra, lịch trực, kiểm tra theo dõi thiết bị mạng (hệ thống điện nguồn, hệ thống làm mát)			
-	Theo dõi, giám sát (24/7) tình trạng hoạt động của hệ thống thiết bị chuyển mạch.	Lịch trực theo dõi, giám sát			
c)	Quản trị thiết bị an toàn an ninh		10		
-	Kiểm tra thiết bị mạng.	Sổ kiểm tra, lịch trực, kiểm tra theo dõi thiết bị mạng (hệ thống điện nguồn, hệ thống làm mát)			
-	Theo dõi, giám sát thường xuyên (24/7) tình trạng hoạt động của hệ thống thiết bị an toàn an ninh.	Lịch trực theo dõi, giám sát			
5.2	**Quản trị máy chủ**		**25**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
a)	Kiểm tra các bản sao lưu đang làm việc; Kiểm tra việc sử dụng đĩa; Kiểm tra trạng thái RAID của máy chủ.	Lịch kiểm tra (xóa các bản ghi cũ, email, các phiên bản phần mềm không còn sử dụng. Xóa các file loge, file template)	5		
b)	Cập nhật hệ điều hành của máy chủ.	cập nhật các bản vá lỗi hệ điều hành mới nhất (nếu có)	5		
c)	Kiểm tra các bản cập nhật ứng dụng; Kiểm tra các công cụ quản lý từ xa; Kiểm tra phần cứng; Kiểm tra độ an toàn cho máy chủ.	Cập nhật ứng dụng (nếu có); Lịch kiểm tra các công cụ quản lý từ xa	5		
d)	Theo dõi, giám sát thường xuyên (24/7) tình trạng hoạt động của hệ thống máy chủ.	Lịch trực theo dõi, giám sát	5		
đ)	Báo cáo kết quả công việc.	Báo cáo quản trị máy chủ hàng tháng	5		
5.3	**Quản trị các thiết bị công nghệ thông tin**		**25**		Thông tư số 06/2022/TT-

a)	Tiếp nhận thông tin về sự cố thiết bị.	Tiếp nhận công văn đề nghị hỗ trợ từ các đơn vị	5		BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
b)	Kiểm tra tình trạng hiện tại của thiết bị.	Phân công cán bộ tiến hành kiểm tra	5		
c)	Khắc phục sự cố thiết bị:	Kiểm tra xác định lỗi và nguyên nhân gây ra, có xác nhận bằng văn bản cần mua mới thay thế thiết bị	5		
d)	Kiểm tra, chạy thử.	Lịch chạy thử	5		
đ)	Bàn giao thiết bị.	Biên bản bàn giao	5		
5.4	**Tổ chức phục vụ kỹ thuật họp trực tuyến**		**25**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
a)	Tiếp nhận yêu cầu và lên phương án thực hiện.	Tiếp nhận công văn đề nghị hỗ trợ từ các đơn vị	5		
b)	Chuẩn bị thiết bị và đường truyền kết nối.	kiểm tra theo dõi thiết bị mạng (hệ thống điện nguồn, hệ thống làm mát)	5		
c)	Lắp đặt thiết bị. Thiết lập thông số kỹ thuật; Kết nối chạy thử; Lãnh đạo tổng duyệt.	Lịch chạy thử; Lịch Tổng duyệt	5		
d)	Thực hiện.	Lịch họp	5		
đ)	Tháo dỡ, thu dọn thiết bị.	Phân công cán bộ tiến hành thu dọn thiết bị	5		

6. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CỔNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá(thang điểm 100 điểm)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
6.1	**Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin khoa học và công nghệ**		**50**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày
a)	Kiểm tra hoạt động của hệ thống.	Xây dựng sổ tay, lịch kiểm tra	10		

b)	Tạo tài khoản cho người sử dụng.	Xây dựng danh sách tài khoản đã cấp	10		31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
c)	Tạo mới, chỉnh sửa modul.	Kế hoạch chỉnh sửa modul	10		
d)	Backup dữ liệu.	Lịch kiểm tra sao chép dữ liệu	5		
đ)	Kiểm tra an toàn hệ thống.	Phân công cán bộ kiểm tra hệ thống	5		
e)	Theo dõi, giám sát thường xuyên (24/7) tình trạng hoạt động của hệ thống máy chủ	Lịch trực theo dõi, giám sát	5		
g)	Báo cáo vận hành hệ thống.	Báo cáo vận hành hệ thống hàng tháng	5		
6.2	**Vận hành và phát triển Cổng thông tin khoa học và công nghệ**		**50**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
a)	Kiểm tra đường dẫn và thông tin.	Xây dựng sổ tay, lịch kiểm tra, báo cáo lỗi	5		
b)	Chỉnh sửa thông tin.	Tiếp nhận yêu cầu chỉnh sửa và tiến hành chỉnh sửa	5		
c)	Sao lưu thông tin dữ liệu.	Tiến hành sao lưu dữ liệu	5		
d)	Tối ưu Cổng thông tin.	Tiến hành kiểm tra Cổng thông tin	10		
đ)	Tạo và phân quyền tài khoản.	Danh sách tài khoản được cấp	5		
e)	Thay đổi giao diện Cổng thông tin.	Tiến hành thay đổi giao diện	5		
g)	Kiểm tra an toàn an ninh cho Cổng thông tin	Lịch trực theo dõi, giám sát	5		
h)	Báo cáo, thống kê tình hình sử dụng Cổng thông tin.	Báo cáo thống kê tình hình sử dụng cổng thông tin	10		

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	

7.1	**Xử lý thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ các đầu mối thông tin nội bộ, ngành địa phương**		**60**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
a)	Xây dựng cơ sở dữ liệu nhiệm vụ đang tiến hành		20		
-	Tiếp nhận thông tin KH&CN từ các đầu mối	Phiếu thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ được số hóa trên web	10		
-	Xuất bản biểu ghi lên trang mạng Hệ thống thông tin KH&CN.	Biểu ghi được điền đầy đủ thông tin trên hệ thống thông tin KH&CN.	10		
b)	Xây dựng cơ sở dữ liệu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ		20		
-	Tiếp nhận thông tin KH&CN từ các đầu mối	Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được số hóa trên web	10		
-	Xuất bản biểu ghi lên trang mạng Hệ thống thông tin KH&CN.	Biểu ghi được điền đầy đủ thông tin trên hệ thống thông tin KH&CN.	10		
c)	Xây dựng cơ sở dữ liệu ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Phiếu thông tin ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được số hóa trên web	20		
-	Tiếp nhận thông tin KH&CN từ các đầu mối	Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được số hóa trên web	10		
-	Xuất bản biểu ghi lên trang mạng hệ thống thông tin KH&CN.	Biểu ghi được điền đầy đủ thông tin trên hệ thống thông tin KH&CN.	10		
7.2	**Xử lý thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp trực tiếp tại đơn vị**		**40**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ KHCN
-	Tiếp nhận tài liệu nhiệm vụ KH&CN.	Phiếu thông tin (phiếu đăng ký), Biên bản họp hội đồng nghiệm thu, Báo cáo tổng kết, đĩa mềm (USB)	10		

-	Rà soát phân loại tài liệu	Kiểm tra thông tin	10		
-	Hiệu chỉnh biểu ghi.	Biểu ghi được điền đầy đủ thông tin trên hệ thống thông tin KH&CN.	20		
8. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU CÔNG BỐ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
8.1	Tiếp nhận thông tin	Tiếp nhận thông tin cần công bố (báo KHCN, tạp chí KHCN)	5		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
8.2	Chọn lọc thông tin (Chọn bài trong tạp chí để xử lý cho 1 biểu ghi)	Danh sách bài báo	5		
8.3	Số hóa tài liệu	Biểu ghi được số hóa	10		
8.4	Xử lý, nhập máy biểu ghi về hình thức và nội dung tài liệu	Biểu ghi được điền đầy đủ thông tin trên hệ thống thông tin KH&CN.	10		
8.5	Hiệu chỉnh biểu ghi		10		
8.6	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Trình lãnh đạo phê duyệt. Trạng thái "Chờ phê duyệt" hoặc "Đã xuất bản"	20		
8.7	Xuất bản và kiểm tra lần cuối hiển thị của biểu ghi vừa xuất bản trên Hệ thống thông tin khoa học và công nghệ	Biểu ghi được điền đầy đủ thông tin trên hệ thống thông tin KH&CN.	20		
8.8	Kiểm tra định kỳ phát hiện lỗi về nội dung để chỉnh sửa hoặc lỗi về kỹ thuật để báo bộ phận kỹ thuật xử lý	Biểu ghi được điền đầy đủ thông tin trên hệ thống thông tin KH&CN, không có lỗi về nội dung hoặc lỗi về kỹ thuật	20		
9. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá(thang điểm 100 điểm)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
9.1	**Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu tổ chức khoa học và công nghệ**		**60**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
a)	Lập danh mục các tổ chức KH&CN.	Danh sách các tổ chức KH&CN	10		
b)	Thu thập thông tin các tổ chức KH&CN.	Biểu ghi về các thông tin của tổ chức khoa học và công nghệ: ngày thành lập, địa chỉ, số điện thoại, email, website, thủ trưởng, Cơ quan quản lý trực tiếp, loại hình tổ chức, lĩnh vực nghiên cứu, loại hình hoạt động khoa học và công nghệ chính	10		
c)	Tạo và cấp tài khoản cho các tổ chức KH&CN.	Danh sách tên tài khoản của các tổ chức khoa học và công nghệ	10		
d)	Kiểm tra, rà soát, chuẩn hóa thông tin và trao đổi với các tổ chức KH&CN	Biểu ghi về các thông tin của tổ chức khoa học và công nghệ được bổ sung đầy đủ thông tin còn thiếu hoặc hiệu chỉnh thông tin không chính xác	10		
đ)	Kiểm tra lại lần cuối hiển thị của biểu ghi vừa xuất bản trên trang mạng Hệ thống thông tin KH&CN.	Biểu ghi được điền đầy đủ thông tin trên hệ thống thông tin KH&CN.	20		
9.2	**Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu cán bộ khoa học và công nghệ**		**40**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ

					Khoa học và Công nghệ
a)	Tạo và cấp tài khoản cho các Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Danh sách tài khoản được cấp	10		
b)	Nhận thông tin phản hồi và hiệu chỉnh.		10		
c)	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và xuất bản.	Trình lãnh đạo phê duyệt. Trạng thái "Chờ phê duyệt" hoặc "Đã xuất bản"	10		
d)	Kiểm tra lại lần cuối hiển thị của biểu ghi vừa xuất bản trên trang mạng	Biểu ghi được điền đầy đủ thông tin trên hệ thống thông tin KH&CN.	10		

10. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
	Điều tra thống kê khoa học và công nghệ		**100**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
10.1	Xây dựng kế hoạch, thuyết minh nhiệm vụ, dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Quyết định phê duyệt	30		

10.2	Xây dựng dự thảo phương án điều tra.	Lập kế hoạch, phương án điều tra	10		
10.3	Trình cấp có thẩm quyền quyết định tổ chức điều tra.	Quyết định về việc điều tra (kèm theo phương án điều tra)	10		
10.4	Tổ chức tập huấn về điều tra thống kê (nếu có)	Xây dựng hướng dẫn điều tra (nếu có);	5		
10.5	Triển khai điều tra thống kê.	công văn thông báo điền phiếu điều tra	20		
10.6	Xử lý, tổng hợp và phân tích số liệu điều tra	Báo cáo tổng hợp	25		
11. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
	Hoạt động nghiệp vụ về thống kê khoa học và công nghệ (Báo cáo thống kê về khoa học và công nghệ)		**100**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
11.1	Xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Kế hoạch, dự toán đã được phê duyệt	20		
11.2	Tiếp nhận báo cáo thống kê ngành	công văn yêu cầu các đơn vị báo cáo	20		
11.3	Xử lý, rà soát số liệu trong chế độ báo cáo thống kê ngành.	Thu thập, rà soát các số liệu báo cáo	20		

11.4	Cập nhật các báo cáo thống kê vào cơ sở dữ liệu.	Cập nhật dữ liệu lên cơ sở dữ liệu	20		
11.5	Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo phân tích.	Biểu mẫu tổng hợp số liệu	20		
12. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TRA CỨU TÀI LIỆU ĐIỆN TỬ					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
12.1	Tiếp nhận yêu cầu cung cấp tin từ cơ quan, tổ chức, cá nhân.	công văn yêu cầu tra cứu	10		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
12.2	Phân tích yêu cầu cung cấp tin.	Tìm hiểu, làm rõ nội dung vấn đề cần cung cấp, kết quả phân tích cuối cùng thể hiện trong phiếu tra cứu	10		
12.3	Xác định khái niệm và thuật ngữ tìm.	Xác định các khái niệm và thuật ngữ của thông tin cần tìm kiếm, kết quả cuối cùng thể hiện trong phiếu tra cứu	10		
12.4	Xác định nguồn tra cứu.	Tất cả các nguồn thông tin trên hệ thống CSDL, mạng internet, các tạp chí điện tử khoa học chuyên ngành và các tài liệu khác có liên quan, kết quả cuối cùng thể hiện trong phiếu tra cứu	10		
12.5	Xác định biểu thức tìm tin.	Kết quả cuối cùng thể hiện trong phiếu tra cứu	10		
12.6	Thực hiện tra cứu (trên hệ thống CSDL, mạng internet, các tạp chí điện tử khoa học chuyên ngành và các tài liệu khác có liên quan).	Thực hiện công việc tra cứu, tìm kiếm thông tin trên hệ thống CSDL, mạng internet, các tạp chí điện tử khoa học chuyên ngành và các tài liệu khác có liên quan	10		
12.7	Đánh giá kết quả tra cứu.	- Kiểm tra thông tin tìm được có phù hợp và đầy đủ với yêu cầu đặt ra; Điều chỉnh quy trình tìm thông tin nếu kết quả tìm chưa phù hợp; Kết quả cuối cùng thể hiện trong phiếu tra cứu	10		

12.8	Biên tập và trình bày thông tin.	phiếu kết quả tra cứu	20		
12.9	Trả kết quả cung cấp tin cho bên yêu cầu.	Công văn trả lời kết quả tra cứu	10		
13. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TRA CỨU THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
13.1	Tiếp nhận yêu cầu cung cấp tin.	công văn yêu cầu tra cứu	10		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
13.2	Phân tích yêu cầu cung cấp tin.	Phân loại yêu cầu tìm thông tin theo lĩnh vực chuyên ngành, xác định chủ đề thông tin, cấp yêu cầu;	10		
13.3	Tìm kiếm thông tin.	CSDL KHCN quốc gia (sti.vista.gov.vn)	30		
13.4	Soạn phiếu kết quả tra cứu thông tin.	phiếu kết quả tra cứu	20		
13.5	Soạn công văn phúc đáp.	Công văn trả lời kết quả tra cứu	20		
13.6	Trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Trình ký công văn trả lời và phiếu kết quả	5		
13.7	Gửi công văn phúc đáp.	Công văn được gửi đi theo đường văn thư hoặc trục liên thông	5		
14. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TRA CỨU THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ NỘI DUNG THUỘC DANH MỤC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC					

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
14.1	Tiếp nhận yêu cầu cung cấp tin.	công văn yêu cầu tra cứu	10		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
14.2	Phân tích yêu cầu cung cấp tin.	Nhận dạng yêu cầu (xem xét tài liệu có nội dung thuộc danh mục bí mật Nhà nước)	10		
14.3	Tìm kiếm thông tin:	tra cứu nguồn nội bộ	30		
14.4	Soạn phiếu kết quả tra cứu thông tin.	phiếu kết quả tra cứu	20		
14.5	Soạn công văn phúc đáp.	Công văn trả lời kết quả tra cứu	20		
14.6	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Trình ký công văn trả lời và phiếu kết quả	5		
14.7	Gửi công văn phúc đáp.	Công văn được gửi đi theo đường văn thư hoặc trục liên thông	5		

15. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ BỔ SUNG NGUỒN TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (TÀI LIỆU GIẤY)

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	

15.1	Tập hợp nhu cầu dùng tin.	Biên bản tổng hợp	5		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
15.2	Tổ chức lựa chọn nguồn tin.	Biên bản họp lựa chọn nguồn tin	5		
15.3	Lập kế hoạch bổ sung nguồn tin KH&CN.	Kế hoạch bổ sung	10		
15.4	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Tờ trình xin phê duyệt kế hoạch	10		
15.5	Thuyết minh nhiệm vụ.	Thuyết minh và dự toán nhiệm vụ	20		
15.6	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Tờ trình xin phê duyệt thuyết minh và dự toán nhiệm vụ	10		
15.7	Tổ chức đấu thầu, thương thảo và ký hợp đồng đặt mua nguồn tin KH&CN.	Quyết định kết quả lựa chọn nhà thầu, hợp đồng	10		
15.8	Bàn giao, nghiệm thu kỹ thuật sản phẩm.	Biên bản bàn giao, nghiệm thu	5		
15.9	Theo dõi thực hiện hợp đồng.	Sổ theo dõi thực hiện hợp đồng	5		
15.10	Xử lý, cập nhật tài liệu giấy.	Danh mục cập nhật	5		
15.11	Báo cáo hiệu quả sử dụng nguồn tin.	Báo cáo tổng hợp về sử dụng nguồn tin	5		
15.12	Làm thủ tục thanh quyết toán hợp đồng đặt mua nguồn tin KH&CN.	Hóa đơn, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng	10		

16. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ BỔ SUNG NGUỒN TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (TÀI LIỆU ĐIỆN TỬ)					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
	Bổ sung nguồn tin khoa học và công nghệ (tài liệu điện tử)		**100**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
16.1	Tập hợp nhu cầu tin.	Biên bản tổng hợp	5		
16.2	Tổ chức lựa chọn nguồn tin.	Biên bản họp lựa chọn nguồn tin	10		
16.3	Lập kế hoạch bổ sung nguồn tin KH&CN.	Kế hoạch bổ sung	10		
16.4	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Tờ trình xin phê duyệt kế hoạch	10		
16.5	Thuyết minh nhiệm vụ.	Thuyết minh và dự toán nhiệm vụ	20		
16.6	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Tờ trình xin phê duyệt thuyết minh và dự toán nhiệm vụ	10		
16.7	Tổ chức đấu thầu, thương thảo và ký hợp đồng đặt mua nguồn tin KH&CN.	Quyết định kết quả lựa chọn nhà thầu, hợp đồng	10		

16.8	Bàn giao, nghiệm thu kỹ thuật sản phẩm.	Biên bản bàn giao, nghiệm thu	5		
16.9	Theo dõi thực hiện hợp đồng.	Sổ theo dõi thực hiện hợp đồng	5		
16.10	Báo cáo hiệu quả sử dụng nguồn tin.	Báo cáo tổng hợp về sử dụng nguồn tin	5		
16.11	Làm thủ tục thanh quyết toán hợp đồng đặt mua nguồn tin KH&CN.	Hóa đơn, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng	10		
17. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ BIÊN MỤC NGUỒN TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ CẬP NHẬT PHÂN HỆ BIÊN MỤC TÀI LIỆU GIẤY					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
	Biên mục nguồn tin khoa học và công nghệ và cập nhật phân hệ biên mục tài liệu giấy		**100**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
17.1	Lập ký hiệu kho.	Danh mục ký hiệu kho	10		
17.2	Lập đơn đặt; Xác định thông tin để mô tả tài liệu	Kết quả cuối cùng thể hiện trong phiếu mô tả	10		
17.3	Phân loại và biên mục tài liệu.	Nội dung phân loại và thông tin mô tả được thể hiện trong phiếu mô tả	10		
17.4	Cập nhật thông tin biên mục sơ lược.	Phiếu mô tả được cập nhật thông tin sơ lược	10		

17.5	Cập nhật thông tin biên mục chi tiết.	Phiếu mô tả được cập nhật thông tin chi tiết	15		
17.6	Hiệu đính.	Phiếu mô tả thông tin được hiệu đính với thông tin chính xác	15		
17.7	Dán nhãn, ký hiệu phân loại, chỉ số Cutter.	Tài liệu được dán nhãn và đánh dấu ký hiệu kho	15		
17.8	Giao tài liệu giấy vào kho.	Danh sách tài liệu nhập kho	15		
18. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ BIÊN MỤC NGUỒN TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ CẬP NHẬT PHÂN HỆ BIÊN MỤC TÀI LIỆU ĐIỆN TỬ					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
	Biên mục nguồn tin khoa học và công nghệ và cập nhật phân hệ biên mục tài liệu điện tử		**100**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
18.1	Xác định thông tin để mô tả tài liệu.	Xác định thông tin để mô tả tài liệu.	20		
18.2	Phân loại và biên mục tài liệu.	Phân loại và biên mục tài liệu.	20		
18.3	Cập nhật thông tin biên mục sơ lược.	Cập nhật thông tin biên mục sơ lược.	20		

18.4	Cập nhật thông tin biên mục chi tiết.	Cập nhật thông tin biên mục chi tiết.	20		
18.5	Hiệu đính.	Hiệu đính.	20		
19. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ LƯU GIỮ, BẢO QUẢN TÀI LIỆU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100 điểm)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
19.1	**Tiếp nhận, phân loại và xếp giá tài liệu khoa học công nghệ**		**50**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
a)	Tiếp nhận tài liệu KH&CN.	Tài liệu	10		
b)	Phân loại và vận chuyển tài liệu về các kho.	Danh sách tài liệu chuyển về kho	20		
c)	Dán nhãn, xếp giá tài liệu theo các kho.	Tài liệu được dán nhãn, lưu kho	20		
19.2	**Lưu giữ và bảo quản tài liệu khoa học và công nghệ**		**50**		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ
a)	Vệ sinh tài liệu.	Lịch vệ sinh	10		
b)	Bảo quản tài liệu.	Lưu giữ tài liệu	10		
c)	Tổ chức kho.	Sắp xếp tài liệu trong kho	10		
d)	Số hóa.	Số hóa tài liệu	10		
đ)	Kiểm tra tài liệu trong kho.	Lịch kiểm tra	10		

Phụ lục III

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2026)

1. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC PHÓNG XẠ MÔI TRƯỜNG					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
1.1	Chức năng nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của Tổ chức cung ứng dịch vụ	Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị hoặc giấy phép, đăng ký kinh doanh	10		Thông tư số 28/2017/TT-BTNMT ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
1.2	Cơ sở vật chất kỹ thuật cung ứng dịch vụ	Hệ thống máy móc, thiết bị đảm bảo cho hoạt động cung ứng dịch vụ quan trắc phóng xạ môi trường	15		
1.3	Nhân lực của Tổ chức cung ứng dịch vụ	Nhân lực được đào tạo, có các chứng chỉ chuyên ngành phù hợp	15		
1.4	Tự kiểm tra, giám sát	Việc thực hiện kế hoạch tự kiểm tra, giám sát hoạt động quan trắc của tổ chức cung ứng dịch vụ	10		
1.5	Chấp hành quy định kỹ thuật	Tuân thủ quy định về hiệu chuẩn, kiểm tra, kiểm định đối với máy móc, thiết bị quan trắc, thiết bị phân tích, phòng thí nghiệm	10		
1.6	Sản phẩm dịch vụ quan trắc	Đáp ứng về số lượng theo đặt hàng, kế hoạch được giao	15		
1.7	An toàn lao động	Nhân lực cung ứng dịch vụ được học tập an toàn lao động theo định kỳ, được trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động theo quy định	10		
1.8	Thời gian hoàn thành	Hoàn thành theo đúng thời hạn đặt hàng của cơ quan đặt hàng	15		

2. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM XẠ					
TT	**Nội dung, tiêu chí đánh giá**	**Căn cứ đánh giá**	**Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)**		**Ghi chú**
			Điểm	**Đánh giá**	
2.1	Chức năng nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của Tổ chức cung ứng dịch vụ	Giấy phép, đăng ký kinh doanh về dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	10		Thông tư 08/2022/TT-BKHCN ngày 06 tháng 6 năm 2022
2.2	Cơ sở vật chất kỹ thuật cung ứng dịch vụ	Hệ thống máy móc, thiết bị đảm bảo theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHCN ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ KH&CN	15		
2.3	Nhân lực của Tổ chức cung ứng dịch vụ	Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	20		
2.4	Tự kiểm tra, giám sát	Có kế hoạch tự kiểm tra, giám sát	10		
2.5	Chấp hành quy định kỹ thuật	Tuân thủ quy định về hiệu chuẩn, kiểm tra, kiểm định đối với máy móc, thiết bị	10		
2.6	Sản phẩm dịch vụ	Đáp ứng về số lượng theo đặt hàng, kế hoạch được giao	15		
2.7	An toàn lao động	Nhân lực cung ứng dịch vụ được học tập an toàn lao động theo định kỳ, được trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động theo quy định	10		
2.8	Thời gian hoàn thành	Hoàn thành theo đúng thời hạn đặt hàng của cơ quan đặt hàng	10		